

# Hạnh Bồ thí

Thích Hằng Đạt

Cuối năm 2005 tuần báo Time bình chọn ba người làm Nhân vật Năm 2005 với tiêu chuẩn là trong năm qua, sau những trận sóng thần Tsunami, động đất ở Pakistan, bão Katrina ở Mỹ, v.v...; họ là những người đã và đang bỏ rất nhiều tiền bạc, của cải, công sức để giúp giảm bớt các cảnh nghèo khổ, túng quẫn của con người trên thế giới. Ba người đó là cặp vợ chồng giàu nhất thế giới, Bill và Melinda Gates, với cơ quan từ thiện Gates Foundation và nhạc sĩ Bono, người dẫn đầu ban U2. Được khen ngợi là cơ quan "Bố thí nhiều tiền nhất với tốc độ nhanh nhất", Gates Foundation với số vốn 29 tỷ mỹ kim bảo trợ những chương trình chủng thuốc ngừa, trừ bệnh AIDS, đã cứu sống khoảng 700,000 người ở các xứ nghèo, khuyến khích việc nghiên cứu y học để lo cho tương lai nhân loại, tặng máy vi tính để học sinh, sinh viên có thể vào mạng lưới điện toán toàn cầu cho 11,000 thư viện tại các nước đang mở mang, và có một chương trình cấp học bổng rộng lớn nhất trong lịch sử.

Trong năm 2005, nhờ ông Bono vận động mà các nhà lãnh đạo những nước giàu đồng ý xóa bỏ 40 tỷ tiền nợ của các nước nghèo. Ngoài ra ông Bono cũng làm việc chung trong chương trình chống bệnh AIDS với ông bà Gates.

Ông Harold Mintz, phó chủ tịch của một công ty lớn ở Washington D.C, hiến thận cho bà Gennet Belay, một người tỵ nạn người Ethiopian.

Em bé Madigan Rochelle Lang, năm nay 8 tuổi, đến từ Trung Hoa qua chương trình con nuôi, vừa trải qua cuộc giải phẫu nhận tủy xương để trị bệnh ung thư máu của em đã được phát hiện từ khi em mới tròn 18 tháng. Cô Maychelle Yee, một thiếu nữ, là ân nhân của em, đã hy sinh một chút tủy xương để cứu em bé xa lạ này.

Ông thuyền trưởng, Jeon Je Jong, đã làm việc 16 năm với hãng Koryo Wonyang Corp. Vào ngày 13 tháng 11 năm 1985, trên đường trở về nhà từ biển Ấn độ dương với 25 thủy thủ và 350 tấn cá thu (tuna) vừa đánh bắt được, thuyền ông gặp một chiếc ghe vượt biên với 96 người Việt tỵ nạn. Sau khi đưa những thuyền nhân Việt lên tàu, ông được lệnh của thượng cấp phải bỏ tất cả thuyền nhân lại trên biển. Các thủy thủ trên tàu đã sửa soạn một số phao và dụng cụ cần thiết chuẩn bị thả thuyền nhân trở lại trên biển. Nhưng đây là lúc vị thuyền trưởng Jeon Je Jong quyết định một chọn lựa khó khăn nhất trong đời ông: Chấp nhận cứu những người tỵ nạn khốn khổ này dù chuyện làm này đi ngược với nhiệm vụ và đường lối của công ty và ông sẽ bị trừng phạt lúc về bến. Ông đã cứu được người và ông đã bị trừng phạt vì hành động nhân đạo cứu người này. Vì chuyện cứu người ngược với luật lệ của công ty,

sau khi về bến, ông bị sa thải ngay lập tức và từ đó sống với tiền tiết kiệm dành dụm trước đây và phụ giúp công ăn việc làm của bạn bè thân.

Hai người Việt tị nạn là Đào Quang, 56 tuổi, và Trần Dũng, 34 tuổi, cùng với một di dân người Congo, Alain Maboussou, 26 tuổi, từng trở thành các triệu phú hồi tháng Hai, năm 2006, khi họ và 5 đồng nghiệp khác cùng làm việc tại một nhà máy đóng thịt hộp ở Lincoln, Nebraska, và trúng lô độc đắc của loại xổ số Powerball, với tổng trị giá là 365 triệu đôla. Hôm Thứ Ba 4 Tháng Tư, 2006, cả ba người đã bất ngờ đến thăm tòa nhà tạm trú của người vô gia cư trong thành phố và cùng tặng 6,000 đôla cho các người hiện còn đang tạm trú tại đây. Mục Sư Tom Barber, người trông coi tòa nhà tạm trú này, cho biết rằng một trong ba người đàn ông này, cũng đã trải qua vài đêm tại nhà tạm trú này, trước đây không lâu.

Qua những câu chuyện trên, chúng ta thấy rằng trên thế gian, đâu đâu cũng có những vị sẵn sàng xả bỏ tài sản, thân mạng cho người khác. Đức Phật dạy rằng người ưa bố thí, được mọi người kính phục quy ngưỡng tin tưởng, tiếng tốt danh lành đồn khắp nơi, và được quý nhân tưởng nhớ, tiện nhân kính trọng, như ông bà Bill Gates chẳng hạn. Lại nữa, khi sắp mạng chung, tâm không sợ hãi. Điển hình, trong tháng vừa qua, có một vị Phật tử thuần thành ở vùng nam California, trong lúc nằm nhà thương vài ngày trước khi mất, dù bị bệnh nặng và

phải thở nhờ bình dưỡng khí, nhưng khi thấy một bà lão thở khó khăn trên giường bệnh, anh ta vẫn cố gắng giơ tay định lấy ống dưỡng khí đó cho bà lão.

Phật lại dạy thêm rằng, sanh trong sáu đường, chúng ta chỉ nương nhờ vào bố thí mà được hưởng phước báu, chứ không phải nương vào những người thân. Hoặc sanh lên trời, trong loài người, được quả báo thanh tịnh, đều do bố thí. Nghĩa là nhờ gieo nhân lành nên chúng ta mới được hưởng phước báu trời người, chứ phước báu đó không phải do ai ban bố.

Thật vậy, đức của bố thí đưa đến giàu sang an lạc; người trì giới thì được sanh lên trời; vị có thiên trí tâm tịnh, không có nhiễm trước, thì được đạo Niết-bàn. Phước của bố thí là hành trang đạt đến Niết-bàn. Nghĩa là nhờ bố thí cúng dường Tam Bảo nên chúng ta mới có duyên lành được gần gũi Tam Bảo, được tu học Phật pháp và dần dà tiến đến bờ Niết Bàn. Tức là nhờ niệm tưởng bố thí nên hoan hỷ; hoan hỷ nên nhất tâm; nhất tâm quán lý sanh diệt vô thường nên đắc đạo. Đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật như hoa, thành Phật như quả.

Ngoài ra đức Phật không phải chỉ dạy chúng ta bằng ngôn từ, mà ngay chính bản thân Ngài đã từng hành hạnh bố thí trong ba A tăng kỳ kiếp. Thật vậy, trong dòng thời gian dài đó, Ngài đã tích lũy đầy đủ phước báu và trí huệ, nên ngày nay Ngài mới chứng quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Quyển luận Đại Trí Độ viết rõ về nhân duyên mà Phật có 32 tướng tốt.

- 1) Nhờ giữ tâm kiên cố bổ thí nên được tướng dưới bàn chân bằng phẳng đứng vững.
- 2) Nhờ bổ thí mà có thể tạo ra năm sự liên hệ về nghiệp nhân duyên với quyền thuộc của người thọ nhận, nên được tướng bánh xe dưới bàn chân.
- 3) Do sức đại dũng mãnh bổ thí, nên được tướng gót chân rộng phẳng.
- 4) Bổ thí nhiếp phục người, nên được tướng mạn lưới giữa các ngón tay, chân.
- 5) Bổ thí thức ăn uống ngon lành, nên được tướng tay chân mềm mại, bảy chỗ nơi thân đầy đặn.
- 6) Bổ thí để lợi ích mạng sống, nên được tướng ngón tay dài, thân không cong, to lớn ngay thẳng.
- 7) Nhờ tâm bổ thí tăng dần, nên được tướng mu bàn chân cao, lông xoay lên trên.
- 8) Nhờ ân cần hứa hẹn và vui cho bổ thí, đúng vật mà người thọ nhận mong cầu, nên được tướng bắp đùi như nai Y-nê-diên.
- 9) Không khinh không giận người đến xin, nên được tướng cánh tay dài quá gối.
- 10) Theo ý người xin mà thí, không đợi nói ra, nên được tướng mã âm tàng.
- 11) Bổ thí y phục, đồ năm tốt, vàng bạc, trân bảo, nên được tướng thân kim sắc, tướng da mỏng.
- 12) Nhờ bổ thí thích hợp với ý của người trước mặt, nên khởi lên nghiệp nhân duyên của sự tự tại, khiến được tướng mỗi lỗ

chân lông mọc một sợi lông, tướng lông trắng ở giữa hai chân mày.

13) Người xin cần gì, liền nói sẽ cho, do nghiệp ấy nên được tướng thân tròn trịa như vai Sư tử.

14) Gặp người bệnh thì cho thuốc, gặp người đói khát thì cho ăn uống, khởi lên nghiệp nhân duyên ít bệnh ấy nên được tướng dưới hai nách đầy đặn, tướng chất vị tối thượng (trong miệng).

15) Lúc bố thí, Bồ Tát khuyên nhủ, an ủi, chỉ về con đường bố thí cho họ, nên được tướng nhục kế, tướng thân tròn trịa như Ni-câu-lô.

16) Nhờ có ý muốn cho êm ái nói thật, quyết chắc cho không dối, nên được tướng lưỡi rộng dài, tướng âm thanh thanh tịnh, tướng âm thanh như tiếng chim Ca-lăng-tần-già.

17) Lúc bố thí nói như thật, nói có lợi ích, nên được tướng hai má như Sư tử.

18) Khi bố thí cúng dường người thọ nhận, tâm thanh tịnh, nên được tướng răng trắng đều nhau.

19) Khi bố thí nói thật, nói lời hòa hợp, nên được tướng răng khít vào nhau, bốn mươi hai cái.

20) Khi bố thí không giận, tâm không đả trước, tâm bình đẳng đối với người kia, nên cảm được tướng con mắt trong xanh, tướng mí mắt như mắt trâu chúa...

Nói chung, nhờ hành hạnh bố thí tài vật ở thế gian cũng như thân mạng trong những đời tiền kiếp mà Ngài chứng đắc Phật

pháp, có được tất cả thần thông biến hóa, đầy đủ mười trí lực và bốn sở úy, phát khởi mười tám pháp Phật bất cộng, phát khởi sáu mươi loại âm thanh vi diệu, phát khởi tất cả những tướng hảo đại trượng phu.

Ngoài ra, theo kinh điển Nam Tông, lúc còn hành hạnh Bồ Tát trong những đời tiền kiếp, đức Phật thường bố thí và phát nguyện như sau:

- 1) Lúc bố thí các món ăn thì Ngài nguyện cầu cho tất cả chúng sanh đều được 5 điều hạnh phúc: Sắc đẹp, yên vui, mạnh khỏe, trí tuệ, thánh quả.
- 2) Lúc bố thí nước lạnh hoặc nước nóng, Ngài cầu cho tất cả chúng sanh đều khỏi sự đói khát.
- 3) Lúc bố thí y phục thì Ngài cầu cho chúng sanh được nhan sắc xinh đẹp như kim thân để giác ngộ và hổ thẹn các tội lỗi.
- 4) Lúc bố thí xe, ngựa, kiệu, võng, thì Ngài cầu cho chúng sanh đắc lực thông, được an lạc ở Niết Bàn.
- 5) Lúc bố thí các vật thơm thì Ngài cầu cho chúng sanh được món giới hương.
- 6) Lúc bố thí tràng hoa và các vật để tắm, thì Ngài cầu cho chúng sanh được tướng trang nghiêm của Phật.
- 7) Lúc bố thí chỗ ngồi, thì Ngài cầu cho chúng sanh được bồ đoàn của Phật tọa.
- 8) Lúc bố thí chỗ nằm, thì Ngài cầu cho chúng sanh được chỗ nằm của Phật ngoại
- 9) Lúc bố thí chỗ ở, thì Ngài cầu tất cả chúng sanh đều qui y Tam Bảo.

10) Lúc bố thí đèn đuốc, thì Ngài cầu cho chúng sanh được ngũ nhãn, lục thông.

11) Lúc cúng dường Tam Bảo tràng hoa, y phục xinh đẹp, thì Ngài cầu cho chúng sanh được hào quang sang chói chiếu thân mình.

12) Lúc cúng dường Tam Bảo âm nhạc, thức ăn, nước uống, thuốc men, hay khuyên người đi nghe pháp, hoặc tự mình nói pháp cho người nghe, thì Ngài cầu cho chúng sanh có tiếng thanh tao, dịu dàng như tiếng của chư Đại Phạm Thiên.

13) Lúc cúng dường Tam Bảo hương hoa, Ngài nguyện khi được chúng quả Bồ đề, thì chúng sanh đều đem lòng cảm mến Ngài.

14) Lúc cúng dường Tam Bảo thức ăn tối thượng, Ngài nguyện khi được chúng quả Bồ đề, thì chúng sanh đều đem lòng cảm mến Ngài.

15) Lúc cúng dường Tam Bảo nhà cửa, chỗ nghỉ ngơi, thì Ngài nguyện chóng thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

16) Lúc cúng dường Tam Bảo thuốc men, dầu mật ong, v.v., thì Ngài nguyện cho khỏi sanh, lão, bệnh, tử, khổ.

17) Lúc thả kẻ hầu hạ khỏi vòng nô lệ, thì Ngài nguyện cho được sự giải thoát, dứt phiền não và lòng ái dục.

18) Lúc dạy cho chúng sanh những trò chơi lành mạnh, thì Ngài nguyện chúng sanh phát lòng hoan hỷ nghe pháp của Ngài.

19) Lúc bố thí ngôi vua, thì Ngài nguyện cho thành vị pháp vương.



20) Lúc bố thí tay, thì Ngài nguyện cho tay Ngài nắm cả pháp báu để tế độ chúng sanh và cho Ngài được thoát khỏi 5 đại hồng thủy, nhất là ngũ dục hồng thủy.

31) Lúc bố thí thân thể, thì Ngài nguyện cho năm căn được thanh tịnh.

32) Lúc bố thí mắt, thì Ngài nguyện được ngũ nhãn.

33) Lúc bố thí máu thịt, Ngài nguyện cho có thân thể tròn đủ.

34) Lúc bố thí đầu, thì Ngài nguyện cho thành Vô Thượng đại giác.

Lại nữa, trong kinh Đại Bảo Tích, tập III, Phẩm Đàn Ba La Mật, đức Phật dạy rằng:

“ .... Đại Bồ Tát vì cầu đạo Bồ Đề Vô Thượng và đại Niết Bàn nên xả thí hết tất cả tài vật tốt nhất trên thế gian.

..Lại này Xá Lợi Phất! Lúc thật hành Bồ Thí ba la mật, Đại Bồ Tát có tánh thông thái, trí huệ rất sâu, dùng vô lượng phương tiện mà bố thí. Dem của cải thế gian mà cầu thánh tài Vô Thượng Chánh Giác. Dem của sanh tử mà cầu của tiên cam lộ bất tử. Dem của hư nguy chẳng bền chắc mà cầu của thánh chơn thật bền chắc.”

Nghĩa là Bồ Tát sẵn sàng xả bỏ tất cả, ngay cả thân mạng cũng không tiếc nuối, vì tài sản của cải thế gian và thân mạng vốn là vô thường, hư nguy, không bền chắc, chỉ dùng chúng trong một đời mà thôi. Thế nên, nhờ bố thí chúng mà được phước báu trời người và được thuận duyên gần gũi, tu học theo

Tam Bảo.

Ngoài ra, trong kinh này, đức Phật dạy thêm rằng:

“Lúc thực hành Bồ Thí ba la mật cứu độ chúng sanh, Đại Bồ Tát vì chúng sanh mà làm đại thí chủ. Nếu có Sa Môn, Bà La Môn đến cầu xin, Bồ Tát đều thí cho. Cần ăn cho ăn, cần uống cho uống; những món ngon vật là đều thí cho hết. Hoặc có người xin y phục, xe cộ, hương hoa, giường ghế, chiếu mền, thuốc men, đèn đuốc, âm nhạc, tô tở, vàng bạc, châu báu, voi ngựa, rừng vườn, suối ao, kho tàng, hoặc có kẻ cầu xin đồ dùng của Luân Vương, hoặc cầu xin tay chơn, đầu mắt, máu thịt, xương tủy, Bồ Tát đều có thể vui mừng thí cho.

Để minh chứng cho việc đức Phật đã từng hành trì qua những lời dạy bên trên, chúng ta hãy cùng nhau đọc qua những mẫu chuyện tiền thân của Ngài vua trời Phạm Thiên kể lại để thỉnh Ngài chuyển bánh xe pháp sau khi chứng quả thành Phật dưới cội Bồ Đề.

Thuở xưa, có một vị vua tên là Kiên Sá Ni Yết Lê nhân đức phúc hậu, có phước báu và thế lực rất lớn, không ai sánh bằng, được dân chúng xem như cha lành. Nhà vua cai trị 84.000 nước nhỏ, 84.000 tụ lạc, có 20.000 bà phu nhân, và 10.000 quan đại thần. Nhân dân trong cõi nước đó sống an lạc thái bình, mưa thuận gió hòa, thụ hưởng vui sướng vô cùng tận. Một hôm, nhà vua suy nghĩ rằng nhờ công đức phước báu đời trước mà nay được làm vua, cao sang tôn quý. Vả lại, tuy đã lo lắng và giúp đỡ dân chúng được ấm no đầy đủ về mặt vật

chất, nhưng vật chất cũng có ngày tiêu hết, không phải là sự an vui lâu dài vĩnh cửu. Thế nên, nếu muốn tìm sự an lạc thường hằng, phải tìm học đạo giải thoát của chư Phật, bằng không thì sẽ như loài vật chỉ biết hưởng dục lạc ăn no nằm mát, phơi mình trên các đồng tro phân cho qua ngày đoạ thán. Suy nghĩ như thế xong, nhà vua ban lệnh cho dân chúng rằng: “Ta sẽ cung cấp cho đầy đủ tất cả những vật cần dùng nếu ai thuyết cho Ta nghe Diệu Pháp”. Về sau, có một người dòng Bà La Môn, tên là Lao Sai Độ vào cung nói với nhà vua rằng sẽ thuyết Diệu Pháp nếu nhà vua có thể khoét trên mình một ngàn lỗ để làm đèn cúng dường. Tuy các vua nước nhỏ cùng với quần thần cản ngăn, nhưng vua Kiên Sà Ni Yết Lê quyết tâm làm theo lời vị pháp sư dạy để cầu Phật pháp.

Lại nữa, xưa có một ông vua tên là Tỳ Lăng Yết Lê nhân từ thuần hậu, thương dân như con đẻ, cai trị nhiều nước, mến nghe chánh pháp. Một hôm, nhà vua suy nghĩ rằng Ta đã được ngôi báu cao sang nhưng chỉ là tạm bợ. Cuộc sống thật vô ý nghĩa nếu chỉ quay quẩn trong vòng sanh tử luân hồi, bỏ thân lấy thân do vì chạy đuổi theo đam mê tham dục. Nay Ta phải tìm đạo giải thoát ra khỏi vòng lẩn quẩn này. Nghĩ xong, nhà vua ban lệnh tìm cầu đạo sư thuyết pháp. Thời gian sau có một pháp sư dòng Bà La Môn đến hoàng cung yêu cầu nhà vua phải đóng trên mình một ngàn cây đinh rồi mới thuyết pháp cho nhà vua nghe. Nhà vua cũng y giáo phụng hành, đóng đinh trên thân để cầu Phật pháp.

Lại nữa, thuở lâu xưa, vua Phạm Thiên có một người con tên là Đàm Ma La Kiêm, trí huệ mẫn tiệp, mến nơi thanh vắng, chán xa hoa dục vọng, thích nghe chánh pháp tìm cầu đạo giải thoát rất lâu nhưng chưa được, nên ưu sầu vô hạn. Tuy biết lòng Thái Tử như thế, vua trời Đế Thích cũng muốn thử lòng thành, nên hiện làm người dòng Bà La Môn, đến gặp Thái Tử và bảo rằng nếu muốn cầu đạo giải thoát thì phải nhảy vào hầm lửa bỏng. Dù vua cha, mẫu hậu, quần thần can ngăn, Thái Tử nhất quyết làm theo lời của vị pháp sư vì muốn cầu chánh pháp.

Lại nữa, trong một kiếp lâu xa, có một vị Đại Tiên, tuy tu đạo Tiên, nhưng lòng khát cầu chánh pháp, nên đi khắp bốn phương để học đạo giải thoát. Trên đường đi, Đại Tiên gặp một người dòng Bà La Môn tự bảo rằng nếu muốn học chánh pháp, phải chẻ xương làm bút, lấy da làm giấy, lấy máu làm mực để viết lại lời Phật dạy. Nghe lời dạy, Đại Tiên hoan hỷ làm theo không màng đau khổ thân xác, chỉ nhất tâm cần cầu chánh pháp.

Vua Kiền Xá Yết Lê, vua Tỳ Lăng Yết Lê, thái tử Đàm Ma La Kiền, và Đại Tiên chính là tiền thân của đức Bồn Sư, vị đã từng xả bỏ đầu mắt chân tay, tủy não để cần cầu chánh pháp, nên ngày nay Ngài mới chứng quả chánh đẳng chánh giác, rồi ban bố chánh giáo cho muôn loài để họ thoát khỏi trầm luân. Giờ

đây chúng ta có nhân duyên tu học Phật pháp, gần gũi Tam Bảo cũng là nhờ sự cần khổ của đức Bốn Sư trong biết bao kiếp số chứ không phải tự nhiên mà có.

Thêm nữa, suốt ba a tăng kỳ kiếp, đức Bốn Sư cũng đã xả thân mạng, bố thí cúng dường vì chúng sanh qua những câu chuyện do chính Ngài kể như sau.

Một lần nọ trên đường đi khất thực, đức Phật gặp một bà lão van xin cứu hai đứa con của bà sắp bị vua hành hình vì tội trộm cắp. Đức Phật bèn sai ngài A Nan đến gặp vua Ba Tư Nặc và xin tha tội chết cho hai thanh niên đó. Vì kính Phật nên vua Ba Tư Nặc thả họ ra. Sau khi được thả, cả ba mẹ con đến cảm ơn và xin xuất gia. Đức Phật cho phép, họ xuất gia và chẳng bao lâu hai người con trai chứng quả A La Hán, còn bà mẹ thì chứng quả A Na Hàm. Thấy việc hy kỳ, ngài A Nan thỉnh hỏi đức Phật nhân duyên tiền kiếp của họ. Đức Phật dạy rằng trong một đời tiền kiếp Ngài đã từng làm một thái tử và hy sinh thân mạng cho ba con hổ đói, một hổ mẹ và hai hổ con. Hổ mẹ nay chính là bà mẹ, còn hai hổ con nay chính là hai chàng thanh niên đó.

Lại nữa, khi xưa có một ông vua tham tàn, sau khi mộng thấy một con thú với lông vàng óng sáng chiếu rực rỡ, ông ta ra lệnh cho quần thần tìm bắt con thú đó. Tất cả thợ săn đều từ chối không dám đi tìm con thú đó, duy chỉ có một chàng thanh niên

trẻ khăn gói lên đường, mang theo lương thực dự trữ, vào rừng sâu nước độc để săn tìm con thú. Lần hồi, anh ta dùng hết lương thực rồi thoi thóp sắp mất mạng. Con thú lông vàng trong cánh rừng sâu đó động lòng từ bi đi đến cứu anh ta thoát chết đói khát. Sau khi biết lý do anh ta đi lạc vào rừng thiêng nước độc, con thú lông vàng bảo anh ta giết mình để đem lông về cho nhà vua. Nhà vua khi xưa, nay chính là Đề Bà Đạt Đa, còn con thú lông vàng chính là tiền thân của đức Phật. Những chúng sanh ăn máu huyết của Ngài khi xưa, được sanh lên các cõi trời sau khi Ngài thành đạo trong đời hiện tại.

Lại nữa, thuở xưa có một vị vua tên là Nguyệt Quang, đức lớn hơn biển cả, thương dân như con đỏ, nhưng bị một ông vua láng giềng là Tỳ Ma Tư Ba ganh ghét. Biết vua Nguyệt Quang hành hạnh bố thí, vua Tỳ Ma Tư Na lập kế sai một người dòng Bà La Môn đến xin đầu vua Nguyệt Quang vì biết vị này sẵn sàng bố thí hết thảy, ngay cả thân mạng cũng chẳng tiếc. Thật vậy, dù quần thần và dân chúng cố gắng ngăn cản, vua Nguyệt Quang cũng nhất quyết bố thí đầu cho vua Tỳ Ma Tư Na. Vua Nguyệt Quang thuở xưa nay chính là đức Phật; vua Tỳ Ma Tư Na nay là ma Ba Tuần, còn gã Bà La Môn cắt đầu vua Nguyệt Quang khi xưa nay là Đề Bà Đạt Đa.

Còn rất nhiều câu chuyện tiền kiếp mà Ngài đã kể lại cho hàng đệ tử nghe về sự xả tài vật và thân mạng của mình chỉ vì cần cầu chánh pháp và cứu độ chúng sanh.

Bàn sâu về hạnh bố thí, nhờ hành hạnh này mà sáu căn thanh tịnh; quán công đức quả báo nên tín tâm phát sanh; thân tâm nhu nhuyễn nên hỷ lạc phát sanh; hỷ lạc phát sanh nên được nhất tâm; được nhất tâm nên trí tuệ chơn thật phát sanh. Nghĩa là, đối với vật bố thí không tiếc nên trừ keo kiệt; kính niệm người thọ nhận nên trừ tật đố; trực tâm bố thí nên trừ nịnh hót quanh co; nhất tâm bố thí nên trừ giao động; suy nghĩ sâu bố thí nên trừ hối hận; quán công đức của người thọ nhận nên trừ tâm ái; thương yêu người thọ nhận nên trừ sân; cung kính người thọ nhận nên trừ kiêu mạn; biết hành pháp lành nên trừ vô minh; tin có quả báo nên trừ tà kiến; biết quyết chắc có quả báo nên trừ nghi. Điển hình, xưa kia gia chủ Ugga người làng Hatthi, khi cha qua đời, vị ấy kế nghiệp nhà trở thành trưởng giả. Khi Đức Phật du hành đến Hatthigāma ngụ tại Nāgavanuyyāna, bấy giờ gia chủ Ugga cho mở lễ hội 7 ngày để vui chơi. Cuối ngày thứ bảy, đức Phật ngự đến nơi gia chủ Ugga tổ chức lễ hội. Khi đang vui chơi lễ hội cùng với các vũ công, nữ nhạc, trông thấy Đức Phật từ xa ngự đến, gia chủ Ugga vô cùng xấu hổ và tỉnh rượu ngay. Gia chủ Ugga đi đến đánh lễ Đức Phật rồi ngồi xuống một bên. Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp tuần tự, gia chủ Ugga trở thành bậc Thánh Dự lưu (sotapannā), rồi sau này chứng quả vị Anahàm (anāgāmī). Sau khi nghe pháp xong, gia chủ Ugga cho giải tán đoàn vũ, nhạc công và tự nguyện trở thành ưu bà tắc. Vào ban đêm, chư thiên đến thuật cho vị ấy nghe về sự thành tựu của

nhều vị tỳ khưu, đề nghị gia chủ Ugga nên chọn các bậc Thánh để dâng cúng. Nhưng những gì vị ấy bố thí thì đều dành cho tất cả chư tỳ khưu với niềm hoan hỷ như nhau.

Lại nữa, khi bố thí, trong tâm phát sanh Tám chánh đạo tương tự. Tin quả báo bố thí nên có được Chánh kiến; trong chánh kiến suy nghĩ không tán loạn nên được Chánh tư duy; thanh tịnh nói năng nên được Chánh ngữ; thanh tịnh thân hành nên được Chánh nghiệp; không cầu quả báo nên được Chánh mạng; tâm siêng bố thí nên được Chánh tinh tấn; niệm tưởng bố thí không bỏ nên được Chánh niệm; tâm trụ một nơi không tán loạn nên được Chánh định. Như vậy ba mươi bảy phẩm thiện pháp tương tự phát sanh trong tâm.

Thêm nữa, nhờ bố thí mà thành tựu sáu Ba La Mật. Điển hình, nhờ bố thí nên không giết hại chúng sanh, tránh trộm cắp, nói láo, tức là giữ được 3 trong 5 giới căn bản (giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói láo, uống rượu). Nhờ hiểu rõ ý nghĩa lợi ích bố thí mà thường siêng năng bố thí, tức là hành hạnh tinh tấn. Nhờ bố thí mà phát triển hạnh nhẫn nhục khi người nhận không biết mang ơn mà chê bai trách cứ. Nhờ chân thành bố thí mà tâm được thanh tịnh, chuyên nhất, dễ dàng hành thiền định. Nhờ hiểu rõ lý nhân quả của việc bố thí nên dễ dàng phát khởi trí huệ.

Ngoài ra, có hai loại bố thí: Tài thí và Pháp thí. Pháp thí là hơn hết. Nhờ quả lành của Tài thí nên được sanh trong cõi Dục giới; quả báo của Pháp thí thì hoặc ở trong ba cõi, hoặc ra ngoài ba



cõi. Ví dụ, nhờ bố thí tiền tài vật chất mà chúng ta có thể được sanh vào cõi người hay các cõi trời ở Dục giới với nhiều phước báu. Nhờ bố thí Pháp nên chúng ta được tu học Phật pháp và có cơ duyên sẽ vượt ra khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Tài thí có hạn lượng, còn Pháp thí không hạn lượng. Ví dụ, nhờ có tiền tài của cải nên mới bố thí được. Ngược lại, nếu phát tâm tu hành pháp thí thì dù ở đâu, hay lúc nào cũng làm được. Quả báo của Tài thí sạch ít dơ nhiều, còn quả báo của Pháp thí như ít sạch nhiều. Nghĩa là khi có được nhiều phước báu do bố thí tiền tài vật chất, đa phần chúng ta có khuynh hướng hưởng thụ và tạo nghiệp xấu, như nếu có chức quyền thì tham nhũng và nếu giàu sang thì lấn hiếp kẻ nghèo, nên sau khi hết phước sẽ bị đọa lạc trở lại ba đường ác. Ngược lại, nhờ bố thí Pháp mà chúng ta thường nghe và hành trì theo Phật pháp, nên từ từ thân tâm sẽ được thanh tịnh.

Lại nữa, Tài thí có thể làm cho các sắc căn (1) bốn đại (2) tăng trưởng; Pháp thí có thể làm cho Năm căn (3), Năm lực (4), Bảy giác chi (5), Tám thánh đạo (6) vô lậu học đầy đủ.

Thêm nữa, Tài thí trong đời có Phật hay không Phật; còn như Pháp thí chỉ trong đời Phật mới có. Vì vậy, nên biết rằng Pháp thí rất khó, là vì cho đến hữu tướng Bích-chi Phật, không thể thuyết pháp, chỉ trực tiếp đi khổ thực, bay lên, biến hóa để độ người.

Hơn nữa, từ trong Pháp thí mà xuất sanh Tài thí và các Thanh-văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát và Phật. Nghĩa là nhờ hiểu rõ lời Phật dạy về lý nhân quả của việc bố thí và khuyến khích người

khác bố thí, nên chúng ta và họ dễ dàng bố thí tiền tài vật chất. Và cũng nương vào Pháp thí mà chúng ta có thể tu hành đạt đến các quả vị Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, và Phật.

Ngoài ra, có bố thí thanh tịnh và bố thí bất tịnh. Trong quyển luận Đại Trí Độ, phẩm Đàn Ba La Mật, Bồ Tát Long Thọ có nói rằng bố thí không thanh tịnh là: Hàng ngu si bố thí mà không hiểu gì; hoặc sợ chết nên bố thí; hoặc dối người để cho họ mừng nên bố thí; hoặc tự cho giàu sang nên phải bố thí; hoặc tranh hơn người nên bố thí; hoặc vì chú nguyện nên bố thí; hoặc giải trừ nghiệp chướng nên bố thí; hoặc vì quy tụ đông người nên bố thí.

Ngược lại, vì đạo nên bố thí, khiến tâm sanh thanh tịnh; bố thí không vì các kiết sử trói buộc, không cầu quả báo đời này đời sau, cung kính thương xót, là bố thí thanh tịnh. Bố thí thanh tịnh là hành trang đưa đến đạo Niết-bàn; thế cho nên nói vì đạo nên bố thí. Nếu chưa được Niết-bàn, sự bố thí ấy là nhân lành ở cõi trời cõi người. Như Phật nói: "Đời có hạng người khó được: Một là trong hàng xuất gia, vị Tỳ-kheo được phi thời giải thoát; hai là trong hàng tại gia, kẻ bạch y hay bố thí thanh tịnh." Điển hình, xưa kia có hai anh em cùng nhau trồng mía. Ngày nọ, người em đốn hai cây mía về nhà để hai anh em dùng. Trên đường về, người em gặp một vị Phật Độc Giác và phát tâm cúng dường 2 cây mía đó. Người em trở về nhà và thuật lại việc cúng dường mía; nghe vậy, người anh phát nguyện hồi hướng công đức đó để đạt được tịnh pháp an lạc

giải thoát như vị Phật Độc Giác đã chứng đắc, còn người em thì phát nguyện làm vị trưởng giả thượng thủ trong thành. Sau này, cả hai anh em thường được tái sinh vào các cõi trời thường hưởng phước báu. Đến thời Phật Ca Diếp, hai anh em sanh vào một gia đình giàu có, và người anh phát nguyện xuất gia theo Phật, chứng quả A La Hán, làm vị thượng thủ trong hàng tăng chúng, còn người em thì làm vị trưởng giả giàu có trong thành, thường cúng dường hương thất cho Phật. Đến thời Phật Thích Ca Mâu Ni, người em tái sinh làm trưởng giả Jotika, giàu có bậc nhất ở thành Vương Xá, rồi sau này bỏ tục xuất gia tu hành chứng quả thánh A La Hán. Qua câu chuyện này, chúng ta thấy rằng chỉ cúng dường hai cây mía mà hai anh em được hưởng phước báu trời người và sau này chứng thánh quả A La Hán.

Hơn nữa, trong kinh Đại Bảo Tích, đức Phật dạy chi tiết về những pháp bố thí thanh tịnh như sau.

1/ Bố thí mà không cầu tài vật bất chánh. Nghĩa là khi cho ra của cải hay tài vật, chúng ta chớ nên nghĩ rằng mình trau đổi tài sản này để mau được giàu có hay giàu sang hơn người khác. Ví dụ, không đem tiền của đút lót cho quan chức để trốn thuế, nhập hàng lậu.

2/ Chẳng đe dọa hay bứt ngạt chúng sanh mà bố thí. Ví dụ, vì muốn bảo vệ mạng sống hay danh vọng địa vị mà chúng ta có thể đưa tiền của để ép người khác phải làm theo ý mình, như ép họ nhận tiền mình để che dấu những hành động sai trái của

mình trước pháp luật hay trước công chúng.

3/ Chẳng từ chối chỗ yêu cầu mà bố thí. Nghĩa là bố thí phải đúng theo sự yêu cầu của người khác, chứ không phải họ xin vật A mà mình lại cho vật B.

4/ Chẳng xem diện mạo mà bố thí. Nghĩa là chẳng dựa vào tâm tình thương ghét, xem gương mặt đẹp hay xấu, dể mển hay đáng ghét, v.v... mà bố thí.

5/ Không có ý tưởng kỳ thị sai biệt mà bố thí. Nghĩa là khi ai cần sự giúp đỡ, chúng ta không phân biệt, kỳ thị họ dựa trên ngôn ngữ, học vấn, chủng tộc, màu da, v.v... mà bố thí. Dù người Mỹ đen hay Mỹ vàng, dù trai hay gái, dù trẻ hay già, chúng ta vẫn bố thí cho những vật họ cần dùng.

6/ Không có lòng tham ái mà bố thí. Ví dụ, những cặp tình nhân vì luyện ái với nhau nên họ tặng quà cho nhau chứ không phải thật là hành hạnh bố thí.

7/ Không có lòng giận hờn mà bố thí. Nếu thấy ai cứ đến xin hoài, nên chúng ta vì bực mình muốn họ đi chỗ khác mà cho lấy lệ thì đó không phải là bố thí chân thật.

9/ Chẳng cầu quốc độ mà bố thí. Nghĩa là chẳng cầu mong làm quan chức mà bố thí. Ví dụ, các nhà chánh trị của tất cả đảng phái ở xứ Mỹ thường bỏ ra nhiều số tiền rất lớn để tranh cử các chức vị trong chính quyền tiểu bang, liên bang. Mục đích của họ bỏ tiền ra là đa phần vì lợi ích cá nhân được hưởng danh vọng địa vị chứ ít khi vì dân chúng.

10/ Xem chúng sanh như ruộng phước chứ chẳng khinh miệt mà bố thí. Điều này rất quan trọng vì khi có người xin, thì

chúng ta mới có dịp bố thí tạo phước. Do đó, phải xem họ như ruộng phước để chúng ta trồng những hạt giống lành phước báo trong mai sau.

11/ Đại Bồ Tát chẳng hủy bỏ nghiệp báo mà bố thí. Nghĩa là khi hành hạnh bố thí, chúng ta phải biết rõ lý nhân quả nghiệp báo, chẳng hạn như bố thí càng nhiều thì càng có phước báu.

12/ Chẳng có tà ý mà bố thí. Nghĩa là bố thí không vì cầu mong lợi lạc về tinh thần và vật chất riêng cho mình. Thấy người nghèo khổ đến xin, chúng ta không cho họ tiền của vì muốn lợi dụng họ làm công không cho mình.

13/ Đều tin hiểu mà bố thí. Nghĩa là tin và hiểu rõ ý nghĩa và quả báo lành của sự bố thí.

14/ Không chán mệt mà bố thí. Do biết rõ quả báo lành sẽ gặt được trong hiện tại và tương lai nên bố thí không biết chán hay mỏi mệt.

15/ Không biểu hiện tướng dạng mà bố thí. Nghĩa là không biểu hiện tướng dạng cho người khác biết là mình đang bố thí.

16/ Mạnh mẽ phấn khởi mà bố thí. Nghĩa là lúc nào cũng siêng năng và mạnh mẽ bố thí.

17/ Không có ăn năn mà bố thí. Nghĩa là khi cho rồi thì không hối tiếc hay ăn năn.

18/ Chẳng thiên kính đối với người trì giới mà bố thí. Nghĩa là khi bố thí, chẳng thiên vị hoặc kính trọng chỉ riêng người giữ giới.

19/ Chẳng khinh bỉ người phạm giới mà bố thí. Khi bố thí chẳng khinh bỉ người phạm giới.

20/ Thật hành 10 pháp thanh tịnh bố thí để viên mãn hạnh bố thí ba la mật. Bố thí chín pháp như trên thanh tịnh viên mãn.

21/ Chẳng mắng nhiếc mà bố thí. Nghĩa là khi bố thí không mắng nhiếc người xin.

22/ Chẳng xây lưng mà bố thí. Nghĩa là lúc cho mà không xây lưng, khinh thường người khác.

23/ Chẳng có không thanh tịnh mà bố thí. Nghĩa là bố thí phải giữ tâm thanh tịnh.

24/ Chẳng hiện tướng giận dữ mà bố thí. Nghĩa là khi bố thí không hiện tướng tức giận người xin.

25/ Chẳng hiện tướng ghét bỏ mà bố thí. Nghĩa là lúc bố thí không hiện tướng ghét bỏ người xin.

26/ Chẳng hiện tướng giận hờn mà bố thí. Nghĩa là bố thí không hiện tướng giận hờn.

27/ Ân cần trịnh trọng mà bố thí. Nghĩa là bố thí với tâm ân cần trịnh trọng.

28/ Tự tay cho mà bố thí. Nghĩa là phải tự tay cho người xin.

29/ Chẳng có hứa nhiều cho ít mà bố thí. Nghĩa là hứa bao nhiêu thì cho bấy giờ.

30/ Chẳng cầu đời sau mà bố thí. Nghĩa là bố thí mà chẳng cầu được quả báo đời sau.

31/ Đại Bồ Tát luôn thường bố thí. Nghĩa là Bồ Tát luôn luôn thường bố thí.

32/ Không lệ thuộc mà bố thí. Nghĩa là không phải vì bị lệ thuộc người xin mà bố thí. Ví dụ, không phải vì muốn giảm thuế, buôn bán dễ dàng, v.v... mà tặng quà cáp cho những

người làm trong chính phủ để họ giúp mình.

33/ Không phân biệt mà bố thí. Nghĩa là khi bố thí, không dựa vào màu da, chủng tộc, ngôn ngữ, hay kiến thức của người xin.

34/ Không có duyên sự khác mà bố thí. Nghĩa là chỉ vì muốn cầu viên mãn phước huệ để chứng quả vị Phật mà bố thí.

35/ Không kém yếu mà bố thí. Nghĩa là không phải vì yếu thế hơn người xin mà tặng quà cho họ để họ nâng đỡ mình.

36/ Không mong sắc đẹp của cải và tự tại mà bố thí. Nghĩa là cho ra không phải vì sự luyến ái nam nữ, hay mong mọi người khác cho lại, hoặc muốn họ giúp đỡ mình sau này.

37/ Không cầu sanh các cõi trời mà bố thí. Nghĩa là nhờ hiểu rằng dù có sanh lên các cõi trời cũng vẫn bị xoay chuyển trong vòng sanh tử luân hồi, nên không cầu sanh lên những cõi đó, mà chỉ dốc lòng cầu vãng sanh qua cõi Phật, hoặc hồi hướng tất cả công đức bố thí cho quả vị Phật sau này.

38/ Không hồi hướng bậc Thanh Văn, Độc Giác mà bố thí.

Nghĩa là chỉ vì muốn thành Phật mới bố thí, chứ không vì mục đích nào khác.

39/ Không vì người thông minh chê trách mà bố thí. Nghĩa là dù ai chê trách hay khen ngợi, chúng ta vẫn một mực bố thí không ngừng nghỉ.

40/ Không hề chẳng hồi hướng Nhất Thiết Trí mà bố thí. Nghĩa là bố thí chỉ vì muốn hướng đến quả vị Phật.

Thật vậy, người phạm phu bố thí mà dính mắc, đó là thế gian

thí hay bố thí không thanh tịnh. Thánh nhân tuy tâm hữu lậu bố thí, nhưng vì để dứt kiết sử nên gọi là xuất thế gian thí, hay bố thí thanh tịnh, vì được chánh định Vô tác. Bị hai thứ kiết sử ái chấp và kiến chấp sai khiến là thế gian thí. Ví dụ, tặng quà cho người yêu là do ái chấp mà cho chứ không phải là hạnh bố thí. Không bị hai thứ kiết sử đó trói buộc, là xuất thế gian thí. Nếu chấp ba thứ (người cho, người nhận, tài vật) chướng ngại ràng buộc tâm, là thế gian thí.

Ngoài ra, kinh dạy rằng không vì chúng sanh cũng không vì chúng ngộ thật tướng của các pháp, mà chỉ cầu thoát khỏi sanh già bệnh chết nên thí; đó là Thanh-văn thí. Vì chúng sanh, cũng vì biết thật tướng các pháp nên thí; ấy là chư Phật Bồ-tát thí. Đối với các công đức không thể đầy đủ, chỉ muốn được chút ít phần; ấy là Thanh-văn thí. Muốn đầy đủ viên mãn hết thảy các công đức; ấy là chư Phật Bồ-tát thí. Vì sợ già bệnh chết nên thí; ấy là Thanh-văn thí. Vì hướng đến Phật đạo, vì hóa độ chúng sanh, không vì sợ già bệnh chết mà thí; ấy là chư Phật Bồ-tát thí.

Kết luận, trong suốt ba A tăng kỳ kiếp, do thường hành hạnh bố thí, nên đức Phật tích tụ đầy đủ công đức phước báu mà ngày nay mới chứng quả vị Phật, thành tựu viên mãn 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, tam minh, lục thông, sáu ba la mật, v.v... Do đó, trong mùa Phật đản, chúng ta hãy quán chiếu suy nghiệm những lời dạy cũng như những công hạnh tương ứng của Phật về hạnh bố thí đã được trình bày bên trên, để cố gắng tiến



bước tu hành, thành bậc chánh giác như Ngài. Muốn làm được như thế, trước hết chúng ta cố gắng bố thí những gì dễ cho nhất như tiền tài của cải chẳng hạn đến những người nghèo cùng khổ, những nạn nhân thiên tai hoạn nạn, cô nhi quả phụ, v.v... như những tấm gương lành của vợ chồng Bill Gates, Bono, v.v..., rồi dần dà phát tâm tu học, gieo duyên cúng dường Tam Bảo, hộ trì Phật pháp, hành hạnh Bồ Tát như chư Phật và chư Bồ Tát đã từng hành trì.

Ghi chú:

- 1) Năm loại căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân.
- 2) Bốn đại: Đất, nước, gió, lửa.
- 3) Năm căn: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn.
- 4) Năm lực: Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực,
- 5) Bảy giác chi: Trạch pháp, niệm, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả.
- 6) Tám thánh đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.